

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận và cấp chứng chỉ**  
**Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi cấp chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ kết quả kỳ thi Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản ngày 25 tháng 8 năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho **123** (một trăm hai mươi ba) thí sinh, khóa thi ngày 25/8/2019 tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN.

(có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các ông (bà) Trưởng các phòng Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch - Tài chính và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐT.



**PGS. TS. LƯU TRANG**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ**  
**KHÓA THI NGÀY 25/8/2019 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHQĐ**  
(kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-ĐHSP, ngày 06 tháng 9 năm 2019)

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh<br>(Tỉnh/Tp) | Điểm<br>thực<br>hành | Điểm<br>trắc<br>nghiệm | Kết<br>quả | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|------------|-----------------------|----------------------|------------------------|------------|------------|
| 1   | Nguyễn Thị Kim Anh     | 02-01-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 9                      | ĐẠT        |            |
| 2   | Nguyễn Thái Quỳnh Anh  | 09-01-1998 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 8                      | ĐẠT        |            |
| 3   | Lữ Tuấn                | 09-07-1998 | Quảng Bình            | 8,5                  | 8                      | ĐẠT        |            |
| 4   | Huỳnh Vũ Ngọc Ánh      | 01-05-1997 | Quảng Nam             | 9                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 5   | Phan Thị Ánh           | 20-07-1973 | TP. Đà Nẵng           | 5                    | 7                      | ĐẠT        |            |
| 6   | Mai Văn Bảy            | 30-08-1984 | Quảng Nam             | 9,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 7   | Lê Thị Bảy             | 4/10/1989  | Thanh Hóa             | 9                    | 7                      | ĐẠT        |            |
| 8   | Huỳnh Bọng             | 14-07-1966 | TP. Đà Nẵng           | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 9   | Huỳnh Thị Kim Cẩm      | 11-11-1998 | Quảng Nam             | 6,5                  | 6,5                    | ĐẠT        |            |
| 10  | Hoàng Thị Mỹ Chi       | 18-05-1999 | TP. Đà Nẵng           | 9,5                  | 8                      | ĐẠT        |            |
| 11  | Mai Bảo Chi            | 20-04-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 9                      | ĐẠT        |            |
| 12  | Hồ Thị Minh Chi        | 15-04-1989 | TP. Đà Nẵng           | 9                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 13  | Trần Minh Chiến        | 08-09-1997 | Phú Yên               | 9,5                  | 7                      | ĐẠT        |            |
| 14  | Hoàng Thị Mỹ Chính     | 29-05-1997 | TP. Đà Nẵng           | 9,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 15  | Nguyễn Thị Đến         | 18-02-1983 | Quảng Nam             | 7                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 16  | Hồ Thị Thanh Diệu      | 16-06-1997 | Quảng Nam             | 5                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 17  | Nguyễn Văn Din         | 25-04-1988 | Quảng Nam             | 5,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 18  | A Rất Đức              | 15-05-1980 | Quảng Nam             | 7,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 19  | Cao Thị Dung           | 17-03-1998 | Nghệ An               | 10                   | 9                      | ĐẠT        |            |
| 20  | Phan Hữu Dũng          | 26-09-1979 | TP. Đà Nẵng           | 7,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 21  | Nguyễn Văn Duy         | 02-12-1997 | Quảng Nam             | 8,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 22  | Vũ Thị Duyên           | 08-10-1984 | Thái Bình             | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 23  | Đỗ Thị Kỳ Duyên        | 19-05-1998 | Quảng Ngãi            | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 24  | Trần Thị Thu Hà        | 03-05-1998 | TP. Đà Nẵng           | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 25  | Trương Lê Thanh Hải    | 26-06-1998 | Quảng Bình            | 9                    | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 26  | Trần Thị Thu Hằng      | 28-11-1998 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 27  | Lê Phạm Diệu Hạnh      | 28-07-1998 | Phú Yên               | 7,5                  | 6,5                    | ĐẠT        |            |
| 28  | Ngô Thị Mỹ Hạnh        | 21-07-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 10                     | ĐẠT        |            |
| 29  | Trương Thị Thu Hào     | 08-02-1998 | Quảng Ngãi            | 10                   | 10                     | ĐẠT        |            |
| 30  | Lê Văn Hiền            | 22-01-1998 | Quảng Ngãi            | 9,5                  | 7                      | ĐẠT        |            |
| 31  | Lương Vũ Thanh Hiền    | 30-09-1997 | TP. Đà Nẵng           | 9,5                  | 8                      | ĐẠT        |            |
| 32  | Hà Lê Văn Hiền         | 01-01-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 33  | Nguyễn Thị Thanh Hoa   | 24-06-1998 | TP. Đà Nẵng           | 9                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 34  | Trần Thị Hoa           | 20-10-1973 | TP. Đà Nẵng           | 7                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 35  | Lê Thị Hoài            | 03-02-1998 | Quảng Bình            | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 36  | Bùi Thị Hồng           | 03-03-1996 | Quảng Nam             | 10                   | 8                      | ĐẠT        |            |
| 37  | Đinh Thị Huệ           | 26-02-1994 | Nam Định              | 8                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 38  | Nguyễn Thị Kim Huệ     | 01-03-1983 | Quảng Nam             | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 39  | Nguyễn Thị Hương       | 27-01-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 40  | Avô Thị Hương          | 25-11-1996 | Quảng Nam             | 7                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 41  | Nguyễn Võ Minh Hương   | 18-07-1997 | Quảng Ngãi            | 9                    | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 42  | Nguyễn Thị Thanh Hương | 30-08-1984 | TP. Đà Nẵng           | 8                    | 9                      | ĐẠT        |            |



| STT | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh<br>(Tỉnh/Tp) | Điểm<br>thực<br>hành | Điểm<br>trắc<br>nghiệm | Kết<br>quả | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|--------|------------|-----------------------|----------------------|------------------------|------------|------------|
| 43  | Phạm Thị          | Hương  | 05-10-1986 | Thanh Hóa             | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 44  | Phạm Thị Thu      | Hường  | 10-04-1998 | Gia Lai               | 8,5                  | 8                      | ĐẠT        |            |
| 45  | Nguyễn Thị Ánh    | Huyền  | 11-10-1998 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 46  | Nguyễn Thị Thanh  | Huyền  | 23-04-1998 | Thanh Hóa             | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 47  | Đinh Thanh        | Khân   | 29-03-1986 | Quảng Nam             | 8,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 48  | Nguyễn Thị        | Kim    | 19-07-1998 | Quảng Ngãi            | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 49  | Nguyễn Thị Phương | Lan    | 07-09-1998 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 50  | Hứa Hữu           | Lân    | 03-05-1995 | Thừa Thiên - Huế      | 6,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 51  | Bùi Nhật          | Lệ     | 09-09-1998 | Đắk Lắk               | 10                   | 6,5                    | ĐẠT        |            |
| 52  | Nguyễn Thị Bích   | Liên   | 20-05-1998 | TP. Đà Nẵng           | 5                    | 5,5                    | ĐẠT        |            |
| 53  | Trương Thị        | Liều   | 02-06-1998 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 54  | Huỳnh Thị         | Liều   | 22-03-1998 | Quảng Nam             | 9,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 55  | Nguyễn Thị Tài    | Linh   | 03-12-1998 | Bình Định             | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 56  | Nguyễn Thị Thùy   | Linh   | 26-09-1998 | Quảng Bình            | 9                    | 7                      | ĐẠT        |            |
| 57  | Hồ Văn            | Lợi    | 10-11-1972 | TP. Đà Nẵng           | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 58  | Hồ Thị Ngọc       | Lợi    | 30-06-1998 | Bình Định             | 10                   | 8                      | ĐẠT        |            |
| 59  | Hồ Thị Kim        | Long   | 21-12-1996 | TP. Đà Nẵng           | 8                    | 6                      | ĐẠT        |            |
| 60  | Phan Thị Hoàng    | Long   | 14-03-1998 | TP. Đà Nẵng           | 7                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 61  | Đặng Thị Khánh    | Ly     | 13-05-1998 | Quảng Ngãi            | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 62  | Nguyễn Thị        | Mai    | 25-04-1983 | Quảng Nam             | 7,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 63  | Nguyễn Thị Bình   | Minh   | 13-10-1998 | Quảng Trị             | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 64  | Nguyễn Thị        | Mơ     | 19-01-1996 | Hà Tĩnh               | 7                    | 6,5                    | ĐẠT        |            |
| 65  | Hoàng Hà          | My     | 02-01-1998 | Gia Lai               | 9,5                  | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 66  | Lê Thị Nguyễn     | My     | 14-04-1998 | Quảng Ngãi            | 6,5                  | 6                      | ĐẠT        |            |
| 67  | Đỗ Thị Thanh      | Mỹ     | 02-03-1998 | Quảng Bình            | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 68  | Chê Ngọc          | Mỹ     | 01-09-1998 | Bình Định             | 10                   | 7                      | ĐẠT        |            |
| 69  | Nguyễn Thị        | Nga    | 01-04-1994 | TP. Đà Nẵng           | 6,5                  | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 70  | Nguyễn Thị Thanh  | Ngọc   | 09-12-1997 | Bình Định             | 8                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 71  | Trần Nguyễn Trung | Nguyên | 23-03-1998 | Bình Định             | 7                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 72  | Nguyễn Thị Thảo   | Nguyên | 08-03-1998 | Quảng Ngãi            | 9,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 73  | Trịnh Xuân        | Nhân   | 12-10-1998 | Nghệ An               | 6                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 74  | Nguyễn Thị Hoài   | Nhi    | 21-12-1997 | TP. Đà Nẵng           | 9,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 75  | Nguyễn Thị Trung  | Nhi    | 15-08-1998 | Quảng Trị             | 5,5                  | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 76  | Nguyễn Thị Hồng   | Nhung  | 30-04-1998 | Đắk Lắk               | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 77  | Nguyễn Võ Tố      | Nữ     | 29-06-1998 | Đắk Lắk               | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 78  | Phạm Thị Hồng     | Oanh   | 26-06-1998 | Đắk Lắk               | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 79  | Đỗ Lê Kiều        | Oanh   | 02-10-1998 | Quảng Nam             | 9,5                  | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 80  | Lê Đoàn Thanh     | Phương | 23-11-1996 | Quảng Nam             | 6,5                  | 7                      | ĐẠT        |            |
| 81  | Hồ Thị Thu        | Phương | 14-05-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 82  | Lê Thị Nhật       | Phương | 27-12-1998 | TP. Đà Nẵng           | 7,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 83  | Đặng Thị Lan      | Phương | 18-03-1998 | Quảng Nam             | 6,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 84  | Nguyễn Mai        | Phương | 24-09-1989 | TP. Đà Nẵng           | 6,5                  | 7                      | ĐẠT        |            |
| 85  | Nguyễn Thị Kim    | Phượng | 08-05-1998 | TP. Đà Nẵng           | 7                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 86  | Phan Thị Kim      | Sơn    | 02-09-1998 | Quảng Ngãi            | 5                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 87  | Nguyễn Thị Thu    | Sương  | 01-08-1991 | Quảng Nam             | 9                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 88  | Đinh Văn          | Tạc    | 26-09-1981 | Nam Định              | 7,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 89  | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    | 25-02-1998 | TP. Đà Nẵng           | 8,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 90  | Trần Thị          | Tâm    | 03-02-1998 | Quảng Nam             | 6                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 91  | Nguyễn Xuân       | Thái   | 01-10-1998 | Bình Định             | 10                   | 9                      | ĐẠT        |            |



| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh<br>(Tỉnh/Tp) | Điểm<br>thực<br>hành | Điểm<br>trắc<br>nghiệm | Kết<br>quả | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|------------|-----------------------|----------------------|------------------------|------------|------------|
| 92  | Nguyễn Thị Phương Thảo | 08-11-1997 | Nghệ An               | 9,5                  | 8                      | ĐẠT        |            |
| 93  | Nguyễn Thị Ngọc Thảo   | 25-07-1998 | Quảng Bình            | 8,5                  | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 94  | Phạm Thị Thu           | 22-08-1998 | Quảng Bình            | 7,5                  | 5,5                    | ĐẠT        |            |
| 95  | Nguyễn Thị Thư         | 10-08-1984 | Quảng Trị             | 7,5                  | 7                      | ĐẠT        |            |
| 96  | Nguyễn Thị Minh Thư    | 19-01-1998 | Quảng Nam             | 5                    | 7                      | ĐẠT        |            |
| 97  | Ngô Thị Thuận          | 18-04-1979 | Quảng Trị             | 7,5                  | 8                      | ĐẠT        |            |
| 98  | Phạm Thị Thương        | 15-04-1998 | Quảng Nam             | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 99  | Nguyễn Thị Hoài Thương | 03-09-1998 | Quảng Trị             | 5                    | 6,5                    | ĐẠT        |            |
| 100 | Trần Thu Thủy          | 12-09-1998 | Quảng Ngãi            | 5                    | 9                      | ĐẠT        |            |
| 101 | Phạm Thị Quỳnh Tiên    | 14-04-1992 | TP. Đà Nẵng           | 6                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 102 | Đặng Đình Tiến         | 08-07-1998 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 103 | Nguyễn Thị Kim Tình    | 14-02-1998 | Quảng Ngãi            | 9,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 104 | Nguyễn Thị Tình        | 10-02-1998 | Quảng Bình            | 7,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 105 | Nguyễn Bích Trâm       | 05-04-1998 | Quảng Ngãi            | 8                    | 8                      | ĐẠT        |            |
| 106 | Nguyễn Thanh Trang     | 15-12-1997 | TP. Đà Nẵng           | 10                   | 10                     | ĐẠT        |            |
| 107 | Phạm Hồ Quỳnh Trang    | 10-01-1970 | TP. Đà Nẵng           | 7                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 108 | Phạm Nguyễn Ngọc Trinh | 29-06-1998 | Quảng Ngãi            | 6                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 109 | Phạm Thị Hồng Trinh    | 05-10-1998 | Gia Lai               | 10                   | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 110 | Le Thi Tuyen           | 20-11-1996 | Quảng Bình            | 8,5                  | 6,5                    | ĐẠT        |            |
| 111 | Trịnh Thị Ngọc Tú      | 14-01-1998 | Nam Định              | 9,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 112 | Hoàng Anh Tuấn         | 12-02-1985 | Bắc Ninh              | 5                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 113 | Nguyễn Quý Tuấn        | 10-10-1984 | Quảng Nam             | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 114 | Phan Thị Tuyên         | 05-05-1973 | TP. Đà Nẵng           | 7                    | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 115 | Đào Thị Tuyết          | 10-05-1995 | Nghệ An               | 9,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 116 | Lê Thị Uyên            | 04-11-1994 | TP. Đà Nẵng           | 7                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 117 | Huỳnh Thị Ngọc Vân     | 29-04-1997 | Quảng Ngãi            | 9                    | 7,5                    | ĐẠT        |            |
| 118 | Nguyễn Thị Tường Vi    | 03-10-1997 | TP. Đà Nẵng           | 9                    | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 119 | Nguyễn Thị Tường Vi    | 08-02-1998 | Bình Định             | 9,5                  | 9,5                    | ĐẠT        |            |
| 120 | Nguyễn Văn Vũ          | 16-11-1998 | Quảng Nam             | 8,5                  | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 121 | Trần Hàn Phong Vũ      | 10-04-1997 | Đắk Lắk               | 8,5                  | 9                      | ĐẠT        |            |
| 122 | Phạm Thị Tường Vy      | 20-03-1998 | Quảng Nam             | 9                    | 8,5                    | ĐẠT        |            |
| 123 | Bùi Thị Tường Vy       | 25-11-1997 | Quảng Ngãi            | 10                   | 9,5                    | ĐẠT        |            |

Ấn định danh sách này có 123 học viên.



PGS. TS LƯU TRANG

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

**Kỳ thi ngày 25-08-2019**

| STT | SBD    | Phòng | Họ                | Tên   | Giới tính | Điểm thực hành | Điểm trắc nghiệm | Kết quả   |
|-----|--------|-------|-------------------|-------|-----------|----------------|------------------|-----------|
| 1   | 003001 | 001   | Nguyễn Thị Kim    | Anh   | Nữ        | 10             | 9                | ĐẠT       |
| 2   | 003002 | 001   | Nguyễn Thái Quỳnh | Anh   | Nữ        | 10             | 8                | ĐẠT       |
| 3   | 003003 | 001   | Huỳnh Vũ Ngọc     | Ánh   | Nữ        | 9              | 9                | ĐẠT       |
| 4   | 003004 | 001   | Lữ Tuấn           | Anh   | Nam       | 8.5            | 8                | ĐẠT       |
| 5   | 003005 | 001   | Phan Thị          | Ánh   | Nữ        | 5              | 7                | ĐẠT       |
| 6   | 003006 | 001   | Mai Văn           | Bảy   | Nam       | 9.5            | 8.5              | ĐẠT       |
| 7   | 003007 | 001   | Lê Thị            | Bảy   | Nữ        | 9              | 7                | ĐẠT       |
| 8   | 003008 | 001   | Huỳnh             | Bọng  | Nam       | 9              | 8.5              | ĐẠT       |
| 9   | 003009 | 001   | Huỳnh Thị Kim     | Cầm   | Nữ        | 6.5            | 6.5              | ĐẠT       |
| 10  | 003010 | 001   | Hoàng Thị Mỹ      | Chi   | Nữ        | 9.5            | 8                | ĐẠT       |
| 11  | 003011 | 001   | Mai Bảo           | Chi   | Nữ        | 10             | 9                | ĐẠT       |
| 12  | 003012 | 001   | Hồ Thị Minh       | Chi   | Nữ        | 9              | 9                | ĐẠT       |
| 13  | 003013 | 001   | Trần Minh         | Chiến | Nam       | 9.5            | 7                | ĐẠT       |
| 14  | 003014 | 001   | Hoàng Thị Mỹ      | Chính | Nữ        | 9.5            | 8.5              | ĐẠT       |
| 15  | 003015 | 001   | Hồ Thị Thanh      | Diệu  | Nữ        | 5              | 7.5              | ĐẠT       |
| 16  | 003016 | 001   | Nguyễn Văn        | Din   | Nam       | 5.5            | 9.5              | ĐẠT       |
| 17  | 003017 | 001   | Cao Thị           | Dung  | Nữ        | 10             | 9                | ĐẠT       |
| 18  | 003018 | 001   | Phan Hữu          | Dũng  | Nam       | 7.5            | 9                | ĐẠT       |
| 19  | 003019 | 001   | Nguyễn Văn        | Duy   | Nam       | 8.5            | 9                | ĐẠT       |
| 20  | 003020 | 001   | Vũ Thị            | Duyên | Nữ        | 10             | 9.5              | ĐẠT       |
| 21  | 003021 | 001   | Đỗ Thị Kỳ         | Duyên | Nữ        | 10             | 9.5              | ĐẠT       |
| 22  | 003022 | 001   | Nguyễn Thị        | Đến   | Nữ        | 7              | 7.5              | ĐẠT       |
| 23  | 003023 | 001   | Ngô Thị Thu       | Hà    | Nữ        | 3.5            | 6.5              | KHÔNG ĐẠT |
| 24  | 003024 | 001   | Nguyễn Thị Thanh  | Hà    | Nữ        | 1              | 8.5              | KHÔNG ĐẠT |
| 25  | 003025 | 001   | Trần Thị Thu      | Hà    | Nữ        | 9              | 8.5              | ĐẠT       |
| 26  | 003026 | 001   | Trương Lê Thanh   | Hải   | Nữ        | 9              | 9.5              | ĐẠT       |
| 27  | 003027 | 001   | Trần Thị Thu      | Hằng  | Nữ        | 10             | 7.5              | ĐẠT       |
| 28  | 003028 | 001   | Lê Phạm Diệu      | Hạnh  | Nữ        | 7.5            | 6.5              | ĐẠT       |
| 29  | 003029 | 001   | Ngô Thị Mỹ        | Hạnh  | Nữ        | 10             | 10               | ĐẠT       |
| 30  | 003030 | 001   | Trương Thị Thu    | Hào   | Nữ        | 10             | 10               | ĐẠT       |
| 31  | 003031 | 001   | Lê Văn            | Hiền  | Nam       | 9.5            | 7                | ĐẠT       |
| 32  | 003032 | 001   | Lương Vũ Thanh    | Hiền  | Nữ        | 9.5            | 8                | ĐẠT       |
| 33  | 003033 | 001   | Hà Lê Văn         | Hiền  | Nam       | 10             | 8.5              | ĐẠT       |
| 34  | 003034 | 001   | Nguyễn Thị Thanh  | Hoa   | Nữ        | 9              | 9                | ĐẠT       |
| 35  | 003035 | 001   | Trần Thị          | Hoa   | Nữ        | 7              | 8.5              | ĐẠT       |
| 36  | 003036 | 002   | Lê Thị            | Hoài  | Nữ        | 10             | 9.5              | ĐẠT       |
| 37  | 003037 | 002   | Bùi Thị           | Hồng  | Nữ        | 10             | 8                | ĐẠT       |
| 38  | 003038 | 002   | Đinh Thị          | Huệ   | Nữ        | 8              | 8.5              | ĐẠT       |



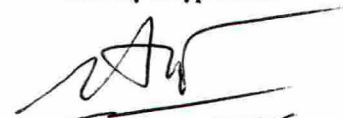
|    |        |     |                   |        |     |     |     |           |
|----|--------|-----|-------------------|--------|-----|-----|-----|-----------|
| 39 | 003039 | 002 | Nguyễn Thị Kim    | Huệ    | Nữ  | 9   | 8.5 | ĐẠT       |
| 40 | 003040 | 002 | Nguyễn Thị        | Hương  | Nữ  | 10  | 9.5 | ĐẠT       |
| 41 | 003041 | 002 | Avô Thị           | Hương  | Nữ  | 7   | 7.5 | ĐẠT       |
| 42 | 003042 | 002 | Nguyễn Võ Minh    | Hương  | Nữ  | 9   | 9.5 | ĐẠT       |
| 43 | 003043 | 002 | Phạm Thị Thu      | Hường  | Nữ  | 8.5 | 8   | ĐẠT       |
| 44 | 003044 | 002 | Nguyễn Thị Thanh  | Hương  | Nữ  | 8   | 9   | ĐẠT       |
| 45 | 003045 | 002 | Huỳnh Thị Quỳnh   | Hương  | Nữ  | 4   | 4.5 | KHÔNG ĐẠT |
| 46 | 003046 | 002 | Phạm Thị          | Hương  | Nữ  | 9   | 8.5 | ĐẠT       |
| 47 | 003047 | 002 | Nguyễn Thị Ánh    | Huyền  | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |
| 48 | 003048 | 002 | Nguyễn Thị Thanh  | Huyền  | Nữ  | 9   | 8.5 | ĐẠT       |
| 49 | 003049 | 002 | Đinh Thanh        | Khân   | Nam | 8.5 | 8.5 | ĐẠT       |
| 50 | 003050 | 002 | Nguyễn Thị        | Kim    | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |
| 51 | 003051 | 002 | Nguyễn Thị Phương | Lan    | Nữ  | 10  | 9.5 | ĐẠT       |
| 52 | 003052 | 002 | Nguyễn Thị        | Lan    | Nữ  | 0   | 0   | KHÔNG ĐẠT |
| 53 | 003053 | 002 | Hứa Hữu           | Lân    | Nam | 6.5 | 9   | ĐẠT       |
| 54 | 003054 | 002 | Bùi Nhật          | Lệ     | Nữ  | 10  | 6.5 | ĐẠT       |
| 55 | 003055 | 002 | Nguyễn Thị Bích   | Liên   | Nữ  | 5   | 5.5 | ĐẠT       |
| 56 | 003056 | 002 | Trương Thị        | Liều   | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |
| 57 | 003057 | 002 | Huỳnh Thị         | Liều   | Nữ  | 9.5 | 8.5 | ĐẠT       |
| 58 | 003058 | 002 | Nguyễn Thị Tài    | Linh   | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |
| 59 | 003059 | 002 | Nguyễn Thị Thùy   | Linh   | Nữ  | 9   | 7   | ĐẠT       |
| 60 | 003060 | 002 | Hồ Văn            | Lợi    | Nam | 9   | 8.5 | ĐẠT       |
| 61 | 003061 | 002 | Hồ Thị Ngọc       | Lợi    | Nữ  | 10  | 8   | ĐẠT       |
| 62 | 003062 | 002 | Hồ Thị Kim        | Long   | Nữ  | 8   | 6   | ĐẠT       |
| 63 | 003063 | 002 | Phan Thị Hoàng    | Long   | Nữ  | 7   | 8.5 | ĐẠT       |
| 64 | 003064 | 002 | Đặng Thị Khánh    | Ly     | Nữ  | 10  | 9.5 | ĐẠT       |
| 65 | 003065 | 002 | Nguyễn Thị        | Mai    | Nữ  | 7.5 | 9.5 | ĐẠT       |
| 66 | 003066 | 002 | Nguyễn Thị Bình   | Minh   | Nữ  | 10  | 9.5 | ĐẠT       |
| 67 | 003067 | 002 | Nguyễn Thị        | Mơ     | Nữ  | 7   | 6.5 | ĐẠT       |
| 68 | 003068 | 002 | Đỗ Thị Thành      | Mỹ     | Nữ  | 10  | 9.5 | ĐẠT       |
| 69 | 003069 | 002 | Hoàng Hà          | My     | Nữ  | 9.5 | 7.5 | ĐẠT       |
| 70 | 003070 | 002 | Chế Ngọc          | Mỹ     | Nữ  | 10  | 7   | ĐẠT       |
| 71 | 003071 | 003 | Lê Thị Nguyễn     | My     | Nữ  | 6.5 | 6   | ĐẠT       |
| 72 | 003072 | 003 | Nguyễn Thị        | Nga    | Nữ  | 6.5 | 7.5 | ĐẠT       |
| 73 | 003073 | 003 | Nguyễn Thị Thanh  | Ngọc   | Nữ  | 8   | 9   | ĐẠT       |
| 74 | 003074 | 003 | Trần Nguyễn Trung | Nguyên | Nam | 7   | 9   | ĐẠT       |
| 75 | 003075 | 003 | Nguyễn Thị Thảo   | Nguyên | Nữ  | 9.5 | 9.5 | ĐẠT       |
| 76 | 003076 | 003 | Trịnh Xuân        | Nhân   | Nam | 6   | 7.5 | ĐẠT       |
| 77 | 003077 | 003 | Nguyễn Thị Hoài   | Nhi    | Nữ  | 9.5 | 9.5 | ĐẠT       |
| 78 | 003078 | 003 | Nguyễn Thị Trung  | Nhi    | Nữ  | 5.5 | 7.5 | ĐẠT       |
| 79 | 003079 | 003 | Nguyễn Thị Hồng   | Nhung  | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |
| 80 | 003080 | 003 | Nguyễn Võ Tổ      | Nữ     | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |
| 81 | 003081 | 003 | Phạm Thị Hồng     | Oanh   | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT       |



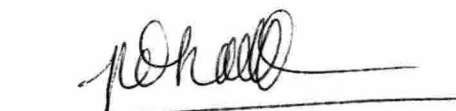
|     |        |     |                   |        |     |     |     |     |
|-----|--------|-----|-------------------|--------|-----|-----|-----|-----|
| 82  | 003082 | 003 | Đỗ Lê Kiều        | Oanh   | Nữ  | 9.5 | 7.5 | ĐẠT |
| 83  | 003083 | 003 | Lê Đoàn Thanh     | Phuong | Nữ  | 6.5 | 7   | ĐẠT |
| 84  | 003084 | 003 | Hồ Thị Thu        | Phuong | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT |
| 85  | 003085 | 003 | Nguyễn Thị Kim    | Phượng | Nữ  | 7   | 7.5 | ĐẠT |
| 86  | 003086 | 003 | Lê Thị Nhật       | Phuong | Nữ  | 7.5 | 8.5 | ĐẠT |
| 87  | 003087 | 003 | Đặng Thị Lan      | Phuong | Nữ  | 6.5 | 8.5 | ĐẠT |
| 88  | 003088 | 003 | Nguyễn Mai        | Phuong | Nữ  | 6.5 | 7   | ĐẠT |
| 89  | 003089 | 003 | Phan Thị Kim      | Son    | Nữ  | 5   | 9   | ĐẠT |
| 90  | 003090 | 003 | Nguyễn Thị Thu    | Sương  | Nữ  | 9   | 9   | ĐẠT |
| 91  | 003091 | 003 | Đinh Văn          | Tạc    | Nam | 7.5 | 9   | ĐẠT |
| 92  | 003092 | 003 | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    | Nữ  | 8.5 | 9.5 | ĐẠT |
| 93  | 003093 | 003 | Trần Thị          | Tâm    | Nữ  | 6   | 9   | ĐẠT |
| 94  | 003094 | 003 | Nguyễn Xuân       | Thái   | Nam | 10  | 9   | ĐẠT |
| 95  | 003095 | 003 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | Nữ  | 9.5 | 8   | ĐẠT |
| 96  | 003096 | 003 | Nguyễn Thị Ngọc   | Thảo   | Nữ  | 8.5 | 7.5 | ĐẠT |
| 97  | 003097 | 003 | Nguyễn Thị        | Thư    | Nữ  | 7.5 | 7   | ĐẠT |
| 98  | 003098 | 003 | Nguyễn Thị Minh   | Thư    | Nữ  | 5   | 7   | ĐẠT |
| 99  | 003099 | 003 | Phạm Thị          | Thu    | Nữ  | 7.5 | 5.5 | ĐẠT |
| 100 | 003100 | 003 | Ngô Thị           | Thuận  | Nữ  | 7.5 | 8   | ĐẠT |
| 101 | 003101 | 003 | Phạm Thị          | Thương | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT |
| 102 | 003102 | 003 | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | Nữ  | 5   | 6.5 | ĐẠT |
| 103 | 003103 | 003 | Trần Thu          | Thùy   | Nữ  | 5   | 9   | ĐẠT |
| 104 | 003104 | 003 | Phạm Thị Quỳnh    | Tiên   | Nữ  | 6   | 7.5 | ĐẠT |
| 105 | 003105 | 003 | Đặng Đình         | Tiến   | Nam | 10  | 9.5 | ĐẠT |
| 106 | 003106 | 004 | Nguyễn Thị Kim    | Tinh   | Nữ  | 9.5 | 8.5 | ĐẠT |
| 107 | 003107 | 004 | Nguyễn Thị        | Tinh   | Nữ  | 7.5 | 8.5 | ĐẠT |
| 108 | 003108 | 004 | Nguyễn Bích       | Trâm   | Nữ  | 8   | 8   | ĐẠT |
| 109 | 003109 | 004 | Nguyễn Thanh      | Trang  | Nữ  | 10  | 10  | ĐẠT |
| 110 | 003110 | 004 | Phạm Hồ Quỳnh     | Trang  | Nữ  | 7   | 8.5 | ĐẠT |
| 111 | 003111 | 004 | Phạm Nguyễn Ngọc  | Trinh  | Nữ  | 6   | 7.5 | ĐẠT |
| 112 | 003112 | 004 | Phạm Thị Hồng     | Trinh  | Nữ  | 10  | 8.5 | ĐẠT |
| 113 | 003113 | 004 | Le Thị Tuyen      | Trinh  | Nữ  | 8.5 | 6.5 | ĐẠT |
| 114 | 003114 | 004 | Trịnh Thị Ngọc    | Tú     | Nữ  | 9.5 | 9.5 | ĐẠT |
| 115 | 003115 | 004 | Hoàng Anh         | Tuấn   | Nam | 5   | 7.5 | ĐẠT |
| 116 | 003116 | 004 | Nguyễn Quý        | Tuấn   | Nam | 10  | 9.5 | ĐẠT |
| 117 | 003117 | 004 | Phan Thị          | Tuyền  | Nữ  | 7   | 9.5 | ĐẠT |
| 118 | 003118 | 004 | Đào Thị           | Tuyết  | Nữ  | 9.5 | 9   | ĐẠT |
| 119 | 003119 | 004 | Lê Thị            | Uyên   | Nữ  | 7   | 8.5 | ĐẠT |
| 120 | 003120 | 004 | Huỳnh Thị Ngọc    | Vân    | Nữ  | 9   | 7.5 | ĐẠT |
| 121 | 003121 | 004 | Nguyễn Thị Tường  | Vi     | Nữ  | 9   | 9.5 | ĐẠT |
| 122 | 003122 | 004 | Nguyễn Thị Tường  | Vi     | Nữ  | 9.5 | 9.5 | ĐẠT |
| 123 | 003123 | 004 | Nguyễn Văn        | Vũ     | Nam | 8.5 | 8.5 | ĐẠT |
| 124 | 003124 | 004 | Trần Hàn Phong    | Vũ     | Nam | 8.5 | 9   | ĐẠT |

|     |        |     |                |     |     |     |     |           |
|-----|--------|-----|----------------|-----|-----|-----|-----|-----------|
| 125 | 003125 | 004 | Phạm Thị Tường | Vy  | Nữ  | 9   | 8.5 | ĐẠT       |
| 126 | 003126 | 004 | Bùi Thị Tường  | Vy  | Nữ  | 10  | 9.5 | ĐẠT       |
| 127 | 003127 | 004 | Phan Thị Thanh | Yên | Nữ  | 3.5 | 7.5 | KHÔNG ĐẠT |
| 128 | 003128 | 004 | A Rất          | Đức | Nam | 7.5 | 9   | ĐẠT       |

Cán bộ nhập điểm

  
 Hồ Ngọc Tú

Cán bộ kiểm tra

  
 Phạm Dương Thu Hằng

Đà Nẵng, ngày 4 tháng 9 năm 2019

Hội đồng thi



PGS.TS. LƯU TRANG